

Số: 2558 /QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 8 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp tỉnh
Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 27/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua "Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030";

Xét đề nghị của Sở Lao động Thương Binh và Xã hội tại Tờ trình số 1663/TTr-LĐTBXH ngày 11/8/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (sau đây viết tắt là Quy hoạch), với những nội dung chủ yếu sau:

I. Quan điểm

- Mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp (sau đây viết tắt là CSGDNN) phải bảo đảm mở rộng quy mô hợp lý; trong đó cơ cấu ngành nghề, cơ cấu trường, lớp, cơ cấu trình độ theo yêu cầu phát triển của tỉnh và cân đối ở các địa bàn trong tỉnh. Nâng cao chất lượng và phát triển quy mô đào tạo nghề là một quá trình vừa phổ cập nghề cho người lao động, đồng thời phải đáp ứng nhu cầu của các ngành, nghề có sử dụng nhân lực tay nghề cao trong tỉnh, bám sát các quan điểm chỉ đạo tại Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Quy hoạch mạng lưới CSGDNN trên địa bàn tỉnh gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, quy hoạch phát triển nhân lực, các quy hoạch ngành, gắn với yếu tố phát triển không gian, vùng, lãnh thổ, sự phân bố các khu công nghiệp, khu kinh tế của tỉnh đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng và chất lượng cao cho tỉnh Quảng Ninh, các tỉnh/thành phố lân cận và trong cả nước.

- Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa công tác giáo dục nghề nghiệp nói chung, phát triển mạng lưới CSGDNN nói riêng, xây dựng và nâng cấp hệ thống cơ sở vật

chất, trang thiết bị, phương tiện dạy nghề, phát triển đội ngũ giáo viên, đổi mới chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu đào tạo nghề; nghiên cứu mô hình đào tạo 3 nhà “Nhà nước - Nhà trường - Nhà đầu tư, doanh nghiệp” để việc đào tạo nghề sát với nhu cầu thực tiễn, tránh việc đào tạo nghề không phù hợp, dư thừa.

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát

- Đến năm 2020, mạng lưới các CSGDNN cơ bản đáp ứng được nhu cầu nhân lực qua đào tạo của thị trường lao động cả về số lượng, chất lượng, cơ cấu nghề và trình độ đào tạo; cụ thể hóa các chủ trương, định hướng phát triển nguồn nhân lực, góp phần nâng cao năng lực của tỉnh và góp phần thực hiện chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 84% - 89%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 60% - 65%. Đào tạo mới, đào tạo lại cho khoảng 170.000 người, trong đó đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp chiếm 30%, trình độ sơ cấp và dạy nghề thường xuyên chiếm 50%, chuyển đổi nghề hoặc nâng cao trình độ kỹ thuật công nghệ chiếm 20%.

- Định hướng tới năm 2030: Đáp ứng đủ nhu cầu đào tạo của người học; tăng tỷ lệ người học nghề trình độ cao đẳng, trung cấp lên 40%; đảm bảo đủ điều kiện cho người lao động học tập, bổ sung năng lực, kỹ năng nghề; đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục nghề nghiệp.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Giai đoạn 2016 - 2020

- Đến năm 2020, có 23 CSGDNN, gồm 05 trường cao đẳng, 04 trường trung cấp và 14 trung tâm giáo dục nghề nghiệp. Cụ thể: Ngoài 04 trường cao đẳng nghề hiện có, kêu gọi đầu tư trường cao đẳng ở Móng Cái; nâng cấp Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên huyện Vân Đồn thành trường trung cấp; thành lập mới 02 trường trung cấp tư thục tại huyện Hải Hà và thị xã Đông Triều; ngoài ra còn có 27 đơn vị, doanh nghiệp có tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp;

- Đầu tư nâng cấp 03 trường có nghề đạt cấp độ quốc gia và quốc tế;

- Nâng công suất đào tạo của các CSGDNN và định hướng cho các đơn vị đầu tư mở các mã ngành đào tạo đáp ứng việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng dịch vụ, công nghiệp.

2.2. Giai đoạn 2021 - 2030

- Hoàn thiện mạng lưới CSGDNN trên địa bàn đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực với cơ cấu đào tạo, ngành nghề hợp lý, đồng bộ. Đến năm 2030, có 23 cơ sở CSGDNN gồm có 06 trường cao đẳng, 03 trường trung cấp, 14 trung tâm giáo dục nghề nghiệp và 27 đơn vị, doanh nghiệp có tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp, trong đó nâng cấp Trường trung cấp nghề Công nghệ Hạ Long thành trường cao đẳng khi có đủ điều kiện;

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp, giữ vững và phát triển giáo dục nghề nghiệp ở trình độ cao, hội nhập đầy đủ với khu vực và quốc tế.

III. Nội dung chủ yếu của Quy hoạch

1. Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Phát triển mạng lưới CSGDNN tại tất cả các địa phương trong tỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo và giải quyết việc làm cho người lao động. Đến năm 2020, có 23 cơ sở giáo dục nghề nghiệp; sau năm 2020 tiếp tục đầu tư các điều kiện đảm bảo chất lượng để mở rộng quy mô đào tạo nghề trình độ cao đẳng và trung cấp của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp với các ngành, nghề đáp ứng nhu cầu phát triển của tỉnh.

2. Quy mô, trình độ và cơ cấu ngành nghề đào tạo

Đáp ứng đủ nguồn nhân lực cho các ngành kinh tế của tỉnh Quảng Ninh, chú trọng đến các ngành kinh tế trọng điểm:

- Ngành dịch vụ: Phát triển dịch vụ, nhất là dịch vụ du lịch và thương mại, ưu tiên đào tạo các ngành nghề: quản trị khách sạn, nhà hàng, lễ tân, phục vụ, nấu ăn, du lịch, điều dưỡng, ca-si-nô, dịch vụ thương mại, ngân hàng...

- Ngành công nghiệp: Ưu tiên phát triển các ngành có hàm lượng khoa học và công nghệ cao; chú trọng công nghệ cao, công nghiệp cơ khí chế tạo, cơ khí chính xác, công nghiệp khai thác, công nghệ thông tin, xây dựng...

- Ngành nông nghiệp: Ưu tiên đào tạo các ngành nghề chuyển dịch cơ cấu trong nông nghiệp, phục vụ xây dựng nông thôn mới của tỉnh như: Ứng dụng công nghệ cao trong nuôi trồng, đánh bắt, chế biến thủy sản và trong chăn nuôi gia súc, gia cầm...

3. Chương trình đào tạo

Xây dựng chương trình đào tạo phù hợp trên cơ sở các tiêu chuẩn nghề quốc gia và khu vực bám sát yêu cầu của thị trường lao động, phù hợp với kỹ thuật, công nghệ mới, trình độ quản lý trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ. Xây dựng và đổi mới nội dung, chương trình, giáo trình giảng dạy theo tiêu chuẩn kỹ năng nghề phù hợp với tiến bộ khoa học và công nghệ, ứng dụng trong sản xuất và tiếp cận với chương trình đào tạo tiên tiến của quốc tế và ASEAN; đảm bảo liên thông giữa các trình độ đào tạo, một số chương trình, lĩnh vực có thể liên thông được với chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài. Xây dựng chương trình đào tạo bằng tiếng Anh, tiếng Trung để giảng dạy trong các trường có ngành nghề trọng điểm và đang có xu hướng phát triển tại Quảng Ninh và trong vùng.

4. Giáo viên và cán bộ quản lý

- Phải xây dựng rõ chương trình đào tạo, tuyển dụng cán bộ quản lý và giáo viên giảng dạy theo chuyên ngành, chuyên nghề với yêu cầu phải có kiến thức thực tiễn về ngành nghề được giảng dạy.

- Đảm bảo đủ số lượng giáo viên với tỷ lệ giáo viên trên số lượng học sinh ở mức 1/20; phần đầu có 100% giáo viên đang giảng dạy tại các trường cao đẳng, trường trung cấp đạt chuẩn về kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm và kỹ năng nghề, trình độ tin học và trình độ ngoại ngữ; đến năm 2020, 100% cán bộ lãnh đạo, quản lý của cơ sở giáo dục nghề nghiệp được đào tạo về kiến thức quản lý nhà nước và nghiệp vụ quản trị trường;

- Đến năm 2030, tiếp tục bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ giáo viên dạy nghề đáp ứng được yêu cầu hội nhập quốc tế.

5. Cơ sở vật chất trang thiết bị dạy nghề

- Đảm bảo số lượng và diện tích phòng học theo Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam (TCXD VN 60: 2003) "Trường dạy nghề - Tiêu chuẩn thiết kế"; phòng học đảm bảo điều kiện về ánh sáng và các điều kiện học tập;

- Trang thiết bị cho công tác giảng dạy đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo, nhu cầu học nghề của học sinh, sinh viên. Máy móc, trang thiết bị giảng dạy được đầu tư đồng bộ, hiện đại và có định hướng lâu dài, tiếp cận với xu thế phát triển của thực tiễn sản xuất kinh doanh.

6. Xã hội hóa trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp

- Tạo mối quan hệ liên thông và gắn kết giữa trường đào tạo - cơ sở sản xuất - trung tâm giới thiệu việc làm; thiết lập “Kênh phân phối lao động” với nguồn thông tin rõ ràng, đảm bảo cho việc chủ động nắm tình hình và đáp ứng tốt nhu cầu thị trường nguồn nhân lực;

- Khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các công ty liên doanh, các doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, nhất là đào tạo, chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại.

IV. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư

Danh mục các dự án: *(phụ lục kèm theo)*.

Dự kiến kinh phí 1.377,252 tỷ đồng, trong đó ngân sách trung ương và địa phương là: 581,01 tỷ đồng, nguồn xã hội hoá là 796,242 tỷ đồng.

V. Các giải pháp thực hiện quy hoạch

1. Nhóm giải pháp nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, xã hội về học nghề

- Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, xã hội về vai trò của giáo dục nghề nghiệp trong phát triển nguồn nhân lực;

- Đẩy mạnh hoạt động truyền thông để nhân dân, đặc biệt là thanh niên và những người trong độ tuổi lao động nhận thức đúng về vị trí, vai trò của giáo dục nghề nghiệp. Mở rộng quy mô, tạo mọi cơ hội thuận lợi cho người lao động và thanh niên tiếp cận với các dịch vụ giáo dục nghề nghiệp;

- Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động hướng nghiệp trong các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông để định hướng học nghề và thực hiện phân luồng sau trung học cơ sở.

2. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách và quản lý nhà nước

a) Cơ chế, chính sách

- Thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ người học nghề theo quy định của Nhà nước;

- Nghiên cứu ban hành chính sách hỗ trợ người học nghề đối với lĩnh vực, ngành kinh tế trọng điểm của tỉnh, chính sách thu hút người học trung cấp và cao đẳng (trọng điểm là nhân lực trong dịch vụ ngành du lịch, thương mại, các khu công nghiệp...).

b) Quản lý nhà nước

- Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp của cơ quan quản lý các cấp. Tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;

- Tăng cường sự phối hợp trong quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn. Xây dựng hệ thống thông tin quản lý về giáo dục nghề nghiệp. Đẩy mạnh hoạt động kiểm tra, giám sát, thanh tra và kiểm định chất lượng giáo dục nghề

nghiệp. Tuân thủ nghiêm túc kiểm định, quản lý chất lượng đào tạo nghề; đặc biệt là quản lý việc cấp chứng chỉ nghề.

3. Nhóm các giải pháp tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp

- Đổi mới mạnh mẽ mục tiêu, nội dung, chương trình và phương pháp đào tạo theo hướng nâng cao năng lực thực hành cho người học nghề. Chuẩn hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy, đội ngũ nhà giáo;

- Tăng cường liên kết, hợp tác xây dựng mô hình đào tạo 3 nhà “Nhà nước – Nhà trường – Nhà đầu tư, doanh nghiệp” để xây dựng một mô hình đào tạo nghề thiết thực, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả, chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

- Kiểm định chất lượng CSGDNN và chương trình đào tạo nghề trọng điểm.

4. Nhóm giải pháp về đầu tư

- Nâng tỷ trọng đầu tư cho đào tạo nghề trong tổng chi ngân sách tỉnh; đầu tư có trọng điểm, không dàn trải, đặc biệt là đầu tư đồng bộ cho các nghề trọng điểm; có chính sách ưu tiên đầu tư hỗ trợ giáo dục nghề nghiệp cho người nghèo, thanh niên, đối tượng chính sách, lao động vùng nông thôn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, người khuyết tật;

- Đảm bảo đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị giảng dạy tối thiểu cho các nghề đào tạo tại các CSGDNN; tập trung đầu tư thiết bị đồng bộ đối với các trường có nghề trọng điểm quốc gia và quốc tế.

5. Nhóm các giải pháp về đẩy mạnh xã hội hóa, hợp tác quốc tế trong đào tạo nghề

- Hợp tác về giáo dục nghề nghiệp với các nước có kinh nghiệm về giáo dục nghề nghiệp. Huy động các nguồn lực trong nước và nước ngoài cho sự phát triển giáo dục nghề nghiệp. Ưu tiên các dự án có vốn đầu tư nước ngoài để đầu tư phát triển giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao;

- Tập trung xây dựng trường có nghề trọng điểm làm nòng cốt về chất lượng của hệ thống giáo dục nghề nghiệp và từng bước tiếp cận với trình độ đào tạo tiên tiến trong khu vực và thế giới.

6. Nhóm các giải pháp gắn đào tạo với doanh nghiệp

- Có chính sách ưu đãi về thuế, chính sách hỗ trợ vay vốn với lãi suất ưu đãi để khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư trường dạy nghề ngoài công lập;

- Xây dựng và ban hành chính sách liên kết giáo dục nghề nghiệp giữa cơ sở dạy nghề với doanh nghiệp, tăng cường đào tạo theo đặt hàng;

- Đổi mới mục tiêu, nội dung, chương trình đào tạo và phương pháp đào tạo theo tiêu chuẩn nghề trong lao động sản xuất, tiếp cận khoa học công nghệ tiên tiến;

- Xây dựng hệ thống thông tin chính xác và tin cậy về nhu cầu việc làm của thị trường lao động, về doanh nghiệp, về CSGDNN để cung cấp dữ liệu cho tất cả các đối tác có liên quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì thực hiện:

- Tổ chức công bố công khai Quy hoạch theo quy định.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch.

- Hướng dẫn, phối hợp với các địa phương, chỉ đạo và hướng dẫn các CSGDNN trong quá trình tổ chức thực hiện; sơ kết, đánh giá, đề xuất các chính sách, giải pháp thực hiện hoặc điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp với thực tế, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Hằng năm, tổng hợp, báo cáo việc thực hiện Quy hoạch với Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm bố trí và cân đối các nguồn lực cho giáo dục nghề nghiệp để thực hiện quy hoạch theo đúng lộ trình; giám sát việc thực hiện quy hoạch.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan tham mưu đề xuất, cân đối nguồn kinh phí ngân sách hàng năm cho phát triển giáo dục nghề nghiệp phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; hướng dẫn sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

4. Các Sở, ban, ngành có liên quan căn cứ nội dung Quy hoạch và chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổ chức thực hiện quy hoạch đảm bảo kết quả, hiệu quả cao.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào Quy hoạch đối với các nội dung được phân cấp quản lý, căn cứ các hướng dẫn và tình hình thực tế của địa phương xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp hằng năm và 5 năm phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Có biện pháp huy động các nguồn lực tại địa bàn để thực hiện kế hoạch phát triển xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp theo Quy hoạch của tỉnh.

6. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

- Định hướng phát triển ngành nghề đào tạo của đơn vị phù hợp với xu thế phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Căn cứ Quy hoạch, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chủ động bố trí nguồn kinh phí và huy động nguồn vốn xã hội hoá nâng cao trình độ đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo, liên kết đào tạo với các cơ sở trong và ngoài nước trong việc đa dạng ngành nghề đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh và các đơn vị liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Bộ Lao động TB&XH;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh } (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4 (thực hiện);
- Ban Văn hóa xã hội - HĐND tỉnh;
- V1,2,3,4,5; các Chuyên viên NCTH;
- Lưu: VT, VX2.

10b-QĐ81

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Long




Phụ lục - Danh mục chương trình, dự án và dự kiến kinh phí thực hiện

Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

(Kèm theo Quyết định số: 2558 /QĐ-UBND ngày 12/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)


TT	Tên dự án	Mục tiêu	Kinh phí (tỷ đồng)		Đơn vị thực hiện		Ghi chú
			Ngân sách (TW, ĐP)	Xã hội hóa, CSGDNN	Chủ trì	Phối hợp	
1	Xây dựng trường cao đẳng nghề Việt - Hàn (Giai đoạn 2)	<p>-Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất đồng bộ để phục vụ chương trình đào tạo lao động kỹ thuật, phát triển nguồn nhân lực có kỹ thuật, trình độ tay nghề cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.</p> <p>-Dự án đầu tư đáp ứng cho 12 ngành, nghề đào tạo: cắt gọt kim loại, hàn, công nghệ ô tô, điện tử công nghiệp, quản trị khách sạn, kỹ thuật nấu ăn, kỹ thuật pha chế đồ uống, chế biến bảo quản thủy sản, sản xuất gốm sứ, điện công nghiệp, công nghiệp chế tạo vỏ tàu thuyền, sửa chữa máy tàu thuyền</p>	160,610 Trong đó: 2016-2020: 160,610		Trường cao đẳng nghề Việt - Hàn	Các Sở, ngành, đơn vị liên quan	Quyết định số 3233/QĐ-UBND ngày 26/11/2013 của UBND tỉnh
2	Dự án xây dựng Phân hiệu đào tạo tại thành phố Móng Cái của trường cao đẳng nghề Than – Khoáng sản Việt Nam	Đầu tư xây dựng Phân hiệu đào tạo đáp ứng nhu cầu đào tạo ngành nghề cho con em các dân tộc miền núi khu vực Móng Cái và khu dịch vụ cảng nước sâu Hải Hà, Tỉnh Quảng Ninh		100 Trong đó: 2016-2020: 100	Trường cao đẳng nghề Than – Khoáng sản Việt Nam	Các Sở, ngành, địa phương liên quan	Quyết định số 2154/QĐ-VINACOMIN ngày 04/10/2012 của Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam

3	Dự án đầu tư nâng cao năng lực của trường cao đẳng nghề Giao thông Cơ điện Quảng Ninh	Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học nâng cao năng lực của trường	70 Trong đó: 2016-2020: 70		Trường cao đẳng nghề Giao thông Cơ điện Quảng Ninh	Các Sở, ngành, đơn vị liên quan	Quyết định số 3355/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh
4	Dự án nâng cấp trường cao đẳng nghề Xây dựng – Bộ Xây dựng	- Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học nâng cao năng lực của trường	217 Trong đó: 2016-2020: 217		Trường cao đẳng nghề Xây dựng	Các Sở, ngành, đơn vị liên quan	Văn bản chấp thuận số 3020/BXD-KHTC ngày 25/12/2015 của Bộ Xây dựng v/v chấp thuận phương án Quy hoạch tổng thể mặt bằng xây dựng của trường Cao đẳng nghề Xây dựng
5	Xây dựng Trung tâm giáo dục nghề nghiệp Đông Triều	Phát triển mạng lưới CSGDNN tạo cơ sở vật chất nhằm đáp ứng hoạt động của TTGDNN đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân địa phương tham gia học nghề góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương	5 Trong đó: 2016-2020: 5		UBND thị xã Đông Triều	Các Sở, ngành, đơn vị liên quan	Quyết định số 3409/QĐ-UBND ngày 31/10/2011 của UBND tỉnh
6	Hoàn thiện và nâng cấp Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên huyện Vân Đồn	Phát triển mạng lưới CSGDNN, tạo cơ sở vật chất đáp ứng hoạt động của Trung tâm giáo dục nghề nghiệp tiến tới mở rộng quy mô công suất, nâng cấp trình độ đào tạo và có đầy đủ điều kiện mở thêm ngành nghề mới để theo kịp xu hướng kinh tế xã hội khi Vân Đồn trở thành Khu kinh tế Vân Đồn	23 Trong đó: 2016-2020: 10 2021-2030: 13		UBND Huyện Vân Đồn	Các Sở, ngành, đơn vị liên quan	Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 27/7/2011 của UBND tỉnh

7	 <p>Thu hút đầu tư xây dựng Cao Bang* Trường Cao đẳng Móng Cái*</p>	Phát triển mạng lưới CSGDNN đáp ứng nhu cầu học nghề và cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động phía Đông của tỉnh Quảng Ninh. Trong đó đào tạo một số nghề đạt trình độ khu vực và quốc tế (Du lịch – Khách sạn – giải trí; Dịch vụ thương mại tài chính; Kinh tế - tin học – ngoại ngữ...)		217 Trong đó: 2016-2020: 127 2021-2030: 90	Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư	Các Sở, ngành, đơn vị liên quan, chủ đầu tư	Quyết định số 1016/QĐ-UBND ngày 22/5/2014 của UBND tỉnh
8	Thành lập trường trung cấp ở Hải Hà, Đông Triều (Trường tư thực)	-Phát triển mạng lưới CSGDNN đáp ứng nhu cầu học nghề và cung cấp lực lượng lao động qua đào tạo cho thị trường lao động. Đặc biệt cung cấp lao động có tay nghề cho các khu, cụm công nghiệp trong vùng lân cận		200 Trong đó: 2016-2020: 120 2021-2030: 80	UBND Huyện Hải Hà, Thị xã Đông Triều	Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư, đơn vị liên quan, chủ đầu tư	
9	Nâng cấp trường trung cấp nghề Công nghệ Hạ Long thành trường cao đẳng	Đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập, tập trung nâng cao chất lượng và số lượng đào tạo nghề đáp ứng yêu cầu về nhân lực phục vụ phát triển kinh tế xã hội, đạt các mục tiêu kế hoạch đã đề ra		100 Trong đó: 2021-2030: 100	Trường trung cấp nghề Công nghệ Hạ Long	Các Sở, ngành, đơn vị liên quan	
10	Phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên chất lượng cao	Nâng cao năng lực giảng dạy của giáo viên, giảng viên. Đặc biệt là trong các nghề trọng điểm đã được Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phê duyệt đạt cấp độ Quốc gia, Asean, Quốc Tế.	5 Trong đó: 2016-2020: 2,5 2021-2030: 2,5	5 Trong đó: 2016-2020: 2,5 2021-2030: 2,5	Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Các Sở, ngành, đơn vị liên quan	

11	Đào tạo ngoại ngữ cho cán bộ quản lý và giảng viên trong nước và nước ngoài	Nâng cao trình độ ngoại ngữ cho cán bộ quản lý và giảng viên, giáo viên			Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Các Sở, ngành, đơn vị liên quan	Thông qua đề án đào tạo, bồi dưỡng, phát triển toàn diện và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Quảng Ninh
12	Đào tạo, bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy, kỹ thuật, công nghệ mới cho giáo viên, giảng viên	Cập nhật và chuyển giao khoa học công nghệ mới nhằm áp dụng vào giảng dạy trong các CSGDNN góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nghề	0,5 Trong đó: 2016-2020: 0,25 2021-2030: 0,25	2 Trong đó: 2016-2020: 1 2021-2030: 1	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Các Sở, ngành, đơn vị liên quan	
13	Đầu tư trang thiết bị và cơ sở vật chất	Đầu tư mới và nâng cấp các trang thiết bị giảng dạy và thực hành tại các CSGDNN		121,242 Trong đó: 2016-2020: 80,621 2021-2030: 40,621	Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Các Sở, ngành, đơn vị liên quan	
14	Phát triển chương trình, giáo trình	Xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo nghề theo yêu cầu phát triển khoa học công nghệ của thực tế sản xuất kinh doanh		6 Trong đó: 2016-2020: 3 2021-2030: 3	Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Các Sở, ngành, đơn vị liên quan	
15	Lần vết (Điều tra, khảo sát) học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp	Đánh giá chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề		5 Trong đó: 2016-2020: 2 2021-2030: 3	Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Các Sở, ngành, đơn vị liên quan	

16	Đề án xây dựng cơ chế, chính sách, mô hình liên kết giữa trường và doanh nghiệp trong đào tạo nghề cho người lao động.		20 Trong đó: 2016-2020: 6 2021-2030: 14	Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Các Sở, ngành, đơn vị liên quan	
17	Phát triển đào tạo nghề xanh Nghiên cứu phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ trong quá trình đào tạo nghề xanh Nghiên cứu các ngành nghề trên thị trường có nhu cầu ứng dụng nghề xanh		10 Trong đó: 2016-2020: 3 2021-2030: 7	Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Các Sở, ngành, đơn vị liên quan	
18	Tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học cho giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý đào tạo nghề Nâng cao khả năng nghiên cứu và gắn công tác nghiên cứu với công tác giảng dạy		5 Trong đó: 2016-2020: 1,5 2021-2030: 3,5	Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Các Sở, ngành, đơn vị liên quan	
19	Đánh giá phân tích xu hướng chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Nắm bắt nhu cầu chuyển dịch lao động lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp Đề xuất giải pháp đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu chuyển dịch lao động nông nghiệp sang phi nông nghiệp		5 Trong đó: 2016-2020: 1,5 2021-2030: 3,5	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Các Sở, ngành, đơn vị liên quan	

20		Giải quyết nhu cầu học nghề, việc làm và thu nhập của định cho một bộ phận lao động nông thôn, góp phần giải quyết được nhu cầu tuyển dụng lao động qua đào tạo của các doanh nghiệp và đáp ứng sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, đồng thời nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng nông thôn mới của địa phương.	50 Trong đó: 2016-2020: 50		Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Các Sở, ngành, đơn vị liên quan	Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 06/01/2011; số 4069/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của UBND tỉnh
21	Hỗ trợ các đối tượng học nghề thuộc danh mục nghề khuyến khích đào tạo của tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2016-2020	Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XIV, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo của tỉnh.	49,9 Trong đó: 2016-2020: 42,4 2021-2030: 7,5		Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Các Sở, ngành, đơn vị liên quan	Nghị quyết số 20/2015/NQ-HĐND ngày 12/12/2015 và Quyết định số 344/2016/QĐ-UBND ngày 2/2/2016.
Tổng cộng			581,01 Trong đó: Giai đoạn 2016-2020: 557,76 Giai đoạn 2021-2030: 23,25 Theo nguồn: - Trung ương: 217 - Địa phương: 364,01	796,242 Trong đó: Giai đoạn 2016-2020: 448,121 Giai đoạn 2021-2030: 348,121			1.377,252 Trong đó: Giai đoạn 2016-2020: 1.005,881 Giai đoạn 2021-2030: 371,371